

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 19/2017/HSPT

Ngày 14/8/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vân

Các thẩm phán: Ông Vũ Minh Quán và bà Nguyễn Thị Lương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Huỳnh – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2017/HSPT ngày 14 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Bùi Thế T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 07/2017/HSST ngày 11/05/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Thế T, sinh ngày 26/12/1983 tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

ĐKHKTT: Tổ 27 phường B, thành phố L, tỉnh L

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; Con ông Bùi Thế S và bà Nguyễn Thị T, bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2015 đến ngày 10/3/2016 bị cáo được trả tự do theo Quyết định trả tự do cho bị cáo số 01/2016/HSST-QĐ ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L - Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có bị cáo Lục Văn B không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

Người bị hại: Anh Phang Văn Y - Sinh năm 1992; Trú tại: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh L- Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 12/11/2015 Lục Văn B dùng xe máy Wave & biển kiểm soát 24B1-716.97 của bà B là mẹ đẻ của B chở Bùi Thế T đi từ thành phố L về xã G, huyện B. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày cả hai quay về theo đường quốc lộ 4E đến khu vực cầu chui thuộc địa phận thôn T, xã G, huyện B, phát hiện anh Phang Văn Y nằm ngủ trên xe máy biển kiểm soát 24B1- 659.57 dựng ở lề đường bên phải theo hướng đi. B bảo với T "Anh T ơi thằng kia nó say rượu hay say thuốc phiện mà nó như thế kia", sau đó B tiếp tục điều khiển xe máy đến gần vị trí anh Y đang nằm ngủ trên xe máy, cả hai đều phát hiện thấy ở giá để hàng của xe có để 01 túi xách giả da màu nâu, B nói với T: "Nó có cái túi kia", mục đích là để T xuống lấy và xem có tài sản gì đem đi bán lấy tiền tiêu sài. Khi đến gần chỗ anh Y, B dừng xe để T xuống, lợi dụng anh Y đang ngủ say T đã dùng tay phải lấy túi sách rồi nhanh chóng lên xe do B điều khiển đi về thành phố Lào Cai. Cả hai đi được khoảng 1 Km, B dừng xe tháo biển số cất vào cốp xe, đồng thời T kiểm tra trong túi xách vừa trộm cắp được và nói cho B biết trong túi giả da màu nâu vừa trộm cắp được của anh Phang Văn Y gồm có: 01 ví nam giả da màu nâu; 01 điện thoại Sam Sung Galaxy S3 màu xanh; 01 máy tính bảng Sam Sung Galaxy Tab4 màu đen; 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng AGRIBANK đều mang tên Phang Văn Y; 01 đăng ký mô tô xe máy, 01 bảo hiểm mô tô xe máy đều mang tên Trần Nguyên T; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng). Sau đó B đổi lái cho T điều khiển và cùng nhau đi tiếp, đến cây xăng phường Kim Tân, thành phố L bom xăng hết 30.000đ từ số tiền vừa trộm cắp được của anh Phang Văn Y. Sau đó cả hai cùng nhau đi tìm chỗ bán tài sản lấy tiền tiêu sài thì bị công an thành phố L kiểm tra hành chính. B và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Công an thành phố L đã bàn giao các đối tượng cùng toàn bộ vật chứng cho Công an huyện B giải quyết theo thẩm quyền.

Tại biên bản định giá tài sản số 48/BB.ĐG ngày 17/11/2015 của Hội đồng định giá UBND huyện B kết luận: Tổng trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp có giá trị là 6.300.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2016/HSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định: Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 20, 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lục Văn B 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 12/11/2015.

Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 20, 53; khoản 1, 2 điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thế T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Thế T cho Ủy ban nhân dân phường Bình Minh, thành Phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 điểm b điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 điểm c điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên truy thu của Lục Văn B 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng) để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và tuý quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nên có hiệu lực pháp luật.

Ngày 17/11/2016 Chánh án Tòa án nhân dân Cấp Cao ban hành quyết định kháng nghị số 50/2016/KN-HS, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm huỷ bản án hình sự sơ thẩm số 03/2016/HSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện B về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Bùi Thế T theo hướng không cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 07/2017/HS-GĐT ngày 07/3/2017 của Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Hà Nội tuyên huỷ bản án hình sự sơ thẩm số 03/2016/HSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện B đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Bùi Thế T theo đúng quy định của pháp luật. Các quyết định khác của bản án không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2017/HSST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên bố bị cáo Bùi Thế T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 20, 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Thế T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Khấu trừ cho bị cáo 03 tháng 29 ngày tạm giam.

Ngày 23/5/2017 bị cáo Bùi Thế T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Thế T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 20, 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Thế T 03 tháng 29 ngày tạm giam.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Bùi Thế T khai nhận: Chiều ngày 12/11/2015 bị cáo cùng với Lục Văn B đã thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản của anh Phang Văn Y. Tài sản mà bị cáo cùng với Lục Văn B trộm cắp là 01 điện thoại Sam Sung Galaxy S3 có trị giá 1.800.000đ; 01 máy tính bảng Sam Sung Ga la xy Tab4 có trị giá là 4.500.000đ và 50.000đ tiền mặt của anh Phang Văn Y. Tổng trị giá tài sản là 6.350.000đ. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã có trong hồ sơ vụ án. Phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm.

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Thế T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thấy rằng: Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 46 BLHS, nhưng xét về nhân thân bị cáo Bùi Thế T là người có nhân thân xấu, bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy và đã từng bị đi cai nghiện bắt buộc tại trung tâm chữa bệnh, lao động xã hội thành phố Lào Cai theo quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 04/4/2008 với thời hạn 12 tháng, nhưng do không đảm bảo sức khỏe nên đã được trả về với gia đình, ngày 02/10/2012 bị cáo bị cơ quan điều tra Công

an huyện T, tỉnh L khởi tố về hành vi “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 điều 104 Bộ luật hình sự. Do người bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố nên Cơ quan điều tra đã đình chỉ vụ án. Ngày 02/3/2013 bị cáo tiếp tục được đưa đi tập trung cai nghiện tại cộng đồng, đến ngày 27/10/2013 thì được trở về với gia đình. Ngày 12/11/2015 lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện B đã xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 138 với tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, p khoản 1; khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xét xử bị cáo mức án 06 tháng tù là có căn cứ. Khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự có quy định khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Như vậy Tòa án nhân dân huyện B khi xét xử đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, xét xử bị cáo với mức án trên là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo đã gây ra. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm được các tình tiết giảm nhẹ mới. Do vậy kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận, cần xét xử theo hướng không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Các vấn đề khác đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2016/HSST ngày 10/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện B.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Thế T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2017/HSST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện B như sau:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thế T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 điều 46; điều 20, 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 điều 7 và điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Thế T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Khấu trừ cho bị cáo 03 (Ba) tháng 29 (Hai mươi chín) ngày tạm giam.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Thế T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuY án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B;
- TAND huyện B 1;
- Chi cục THADS B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Khánh Vân

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lương

Vũ Minh Quán

Trần Thị Khánh Vân

